

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa

Ngày 31/03/2025	3,230 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.7%	-7.2%	-

DT thuần Q1/25
207
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 76.0 58.2%
YoY: ▲ 2.00 1.1%

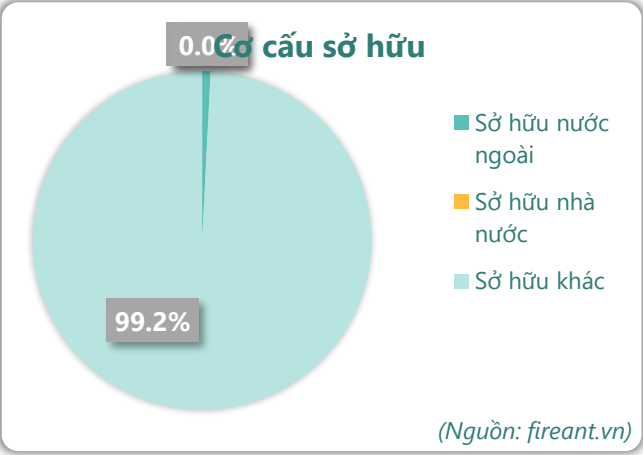
LN thuần Q1/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.3 229%
YoY: ▲ 9.68 284%

LN sau thuế Q1/25
9.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.5 179%
YoY: ▲ 7.36 347%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
8.4%
YoY: +/- ▲ 12.9%

ROE (TTM) Q1/25
0.6%
YoY: +/- ▲ 1.0%

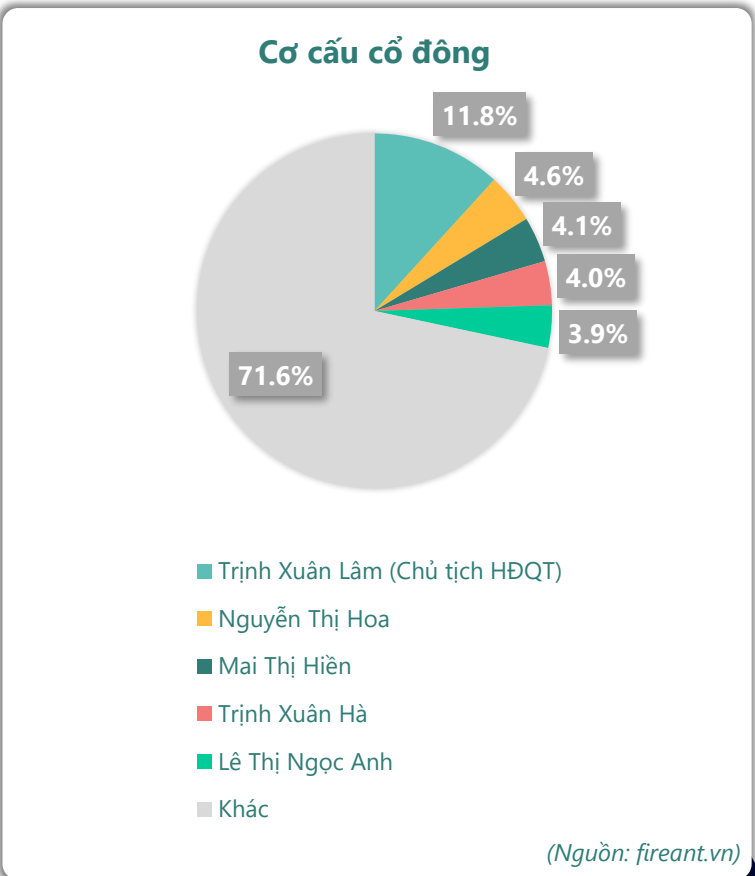
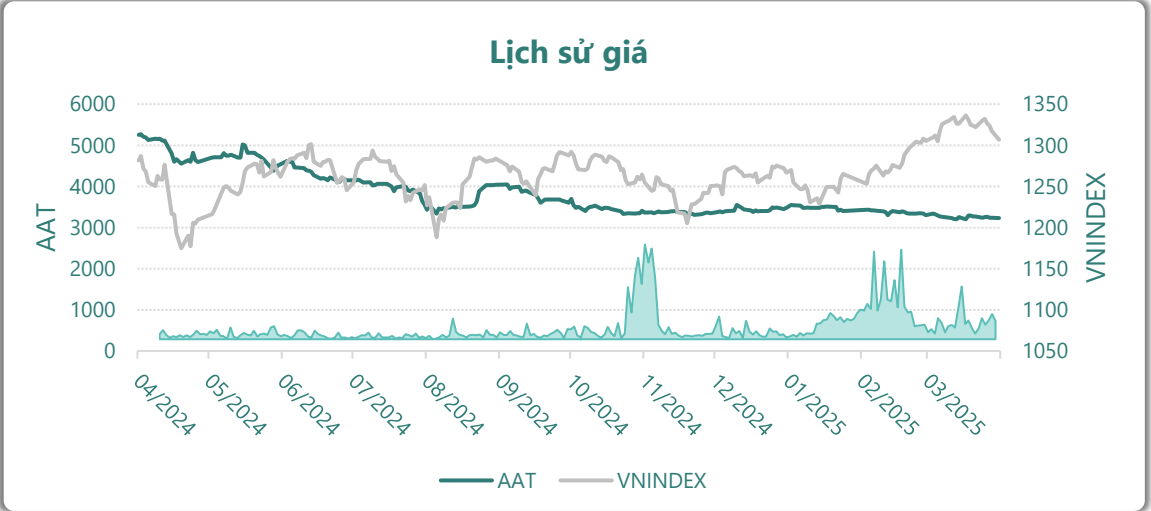
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 5,270
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	229
Số lượng CPLH (CP)	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,420
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.39
EPS	59
P/E	54.6



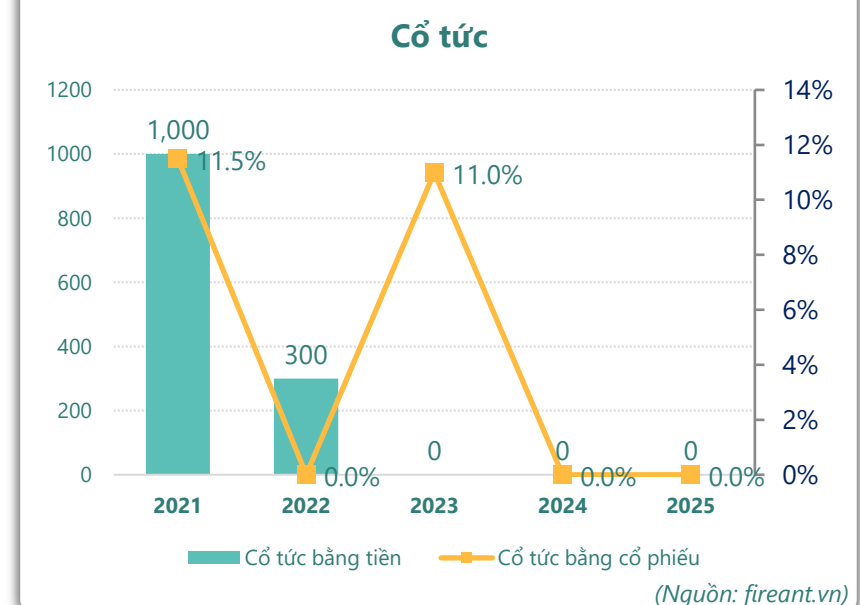
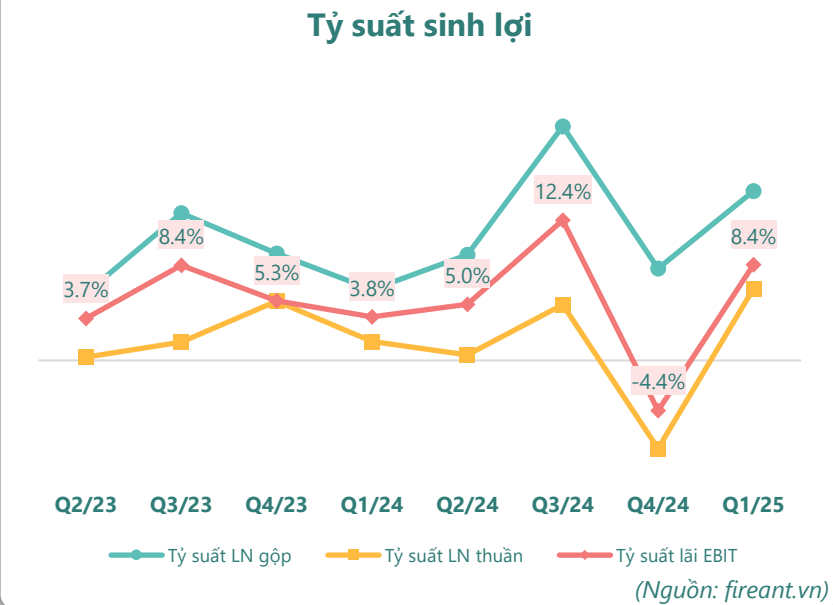
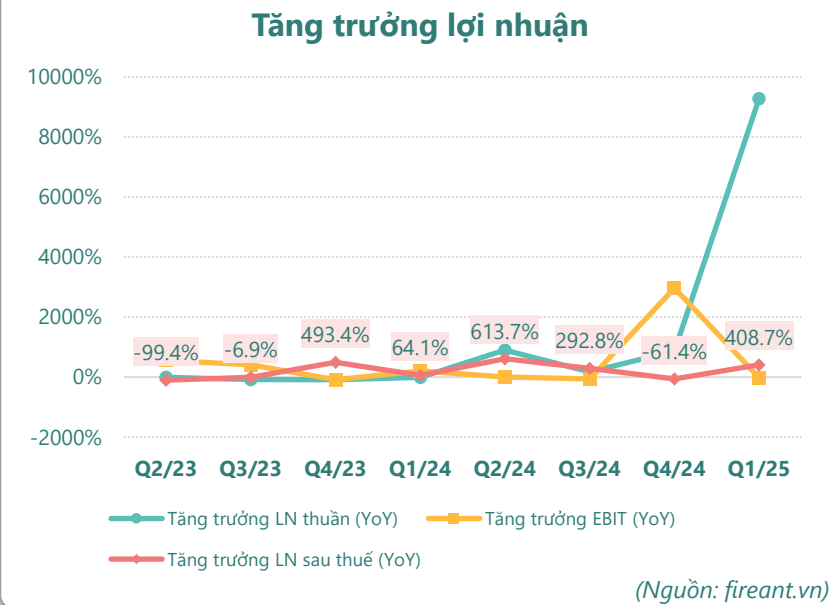
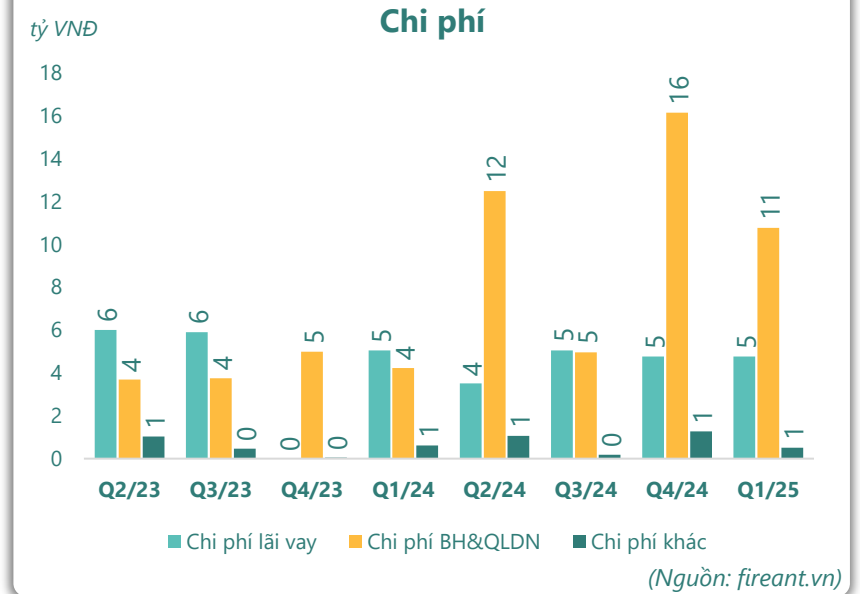
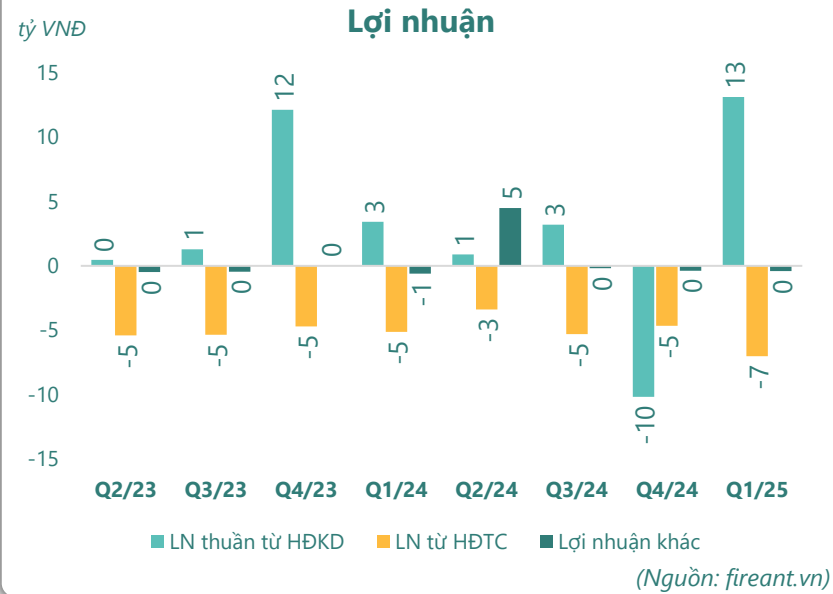
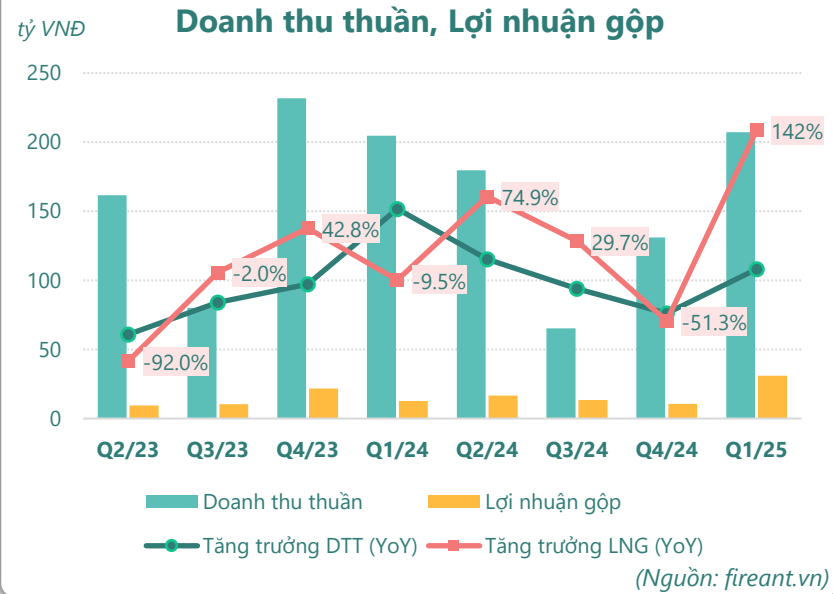
DT thuần 2024
583
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0 -2.7%

LN thuần 2024
-10.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.3 -265%

LN sau thuế 2024
-8.31
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.84 -237%



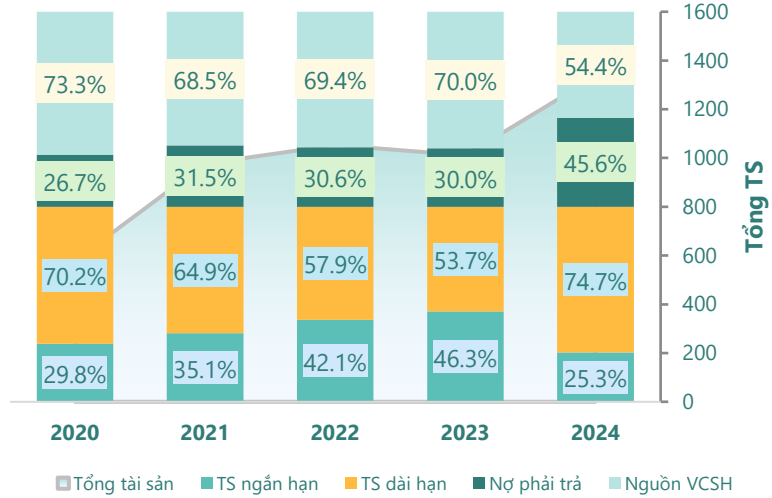
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

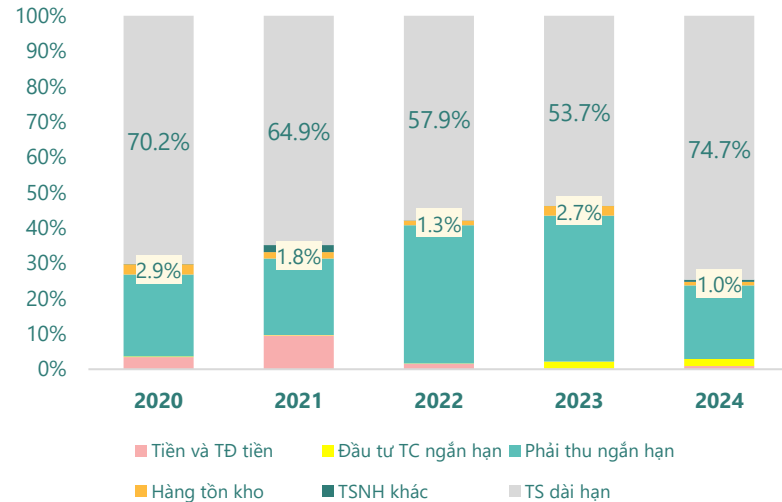
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

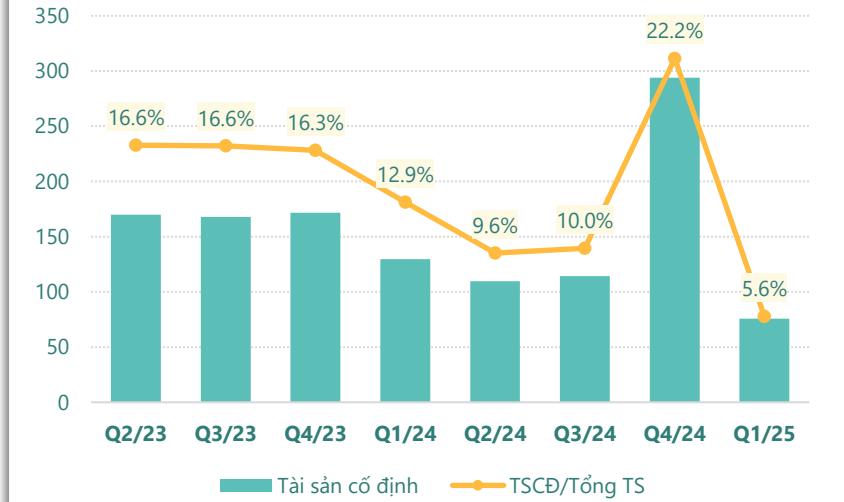
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

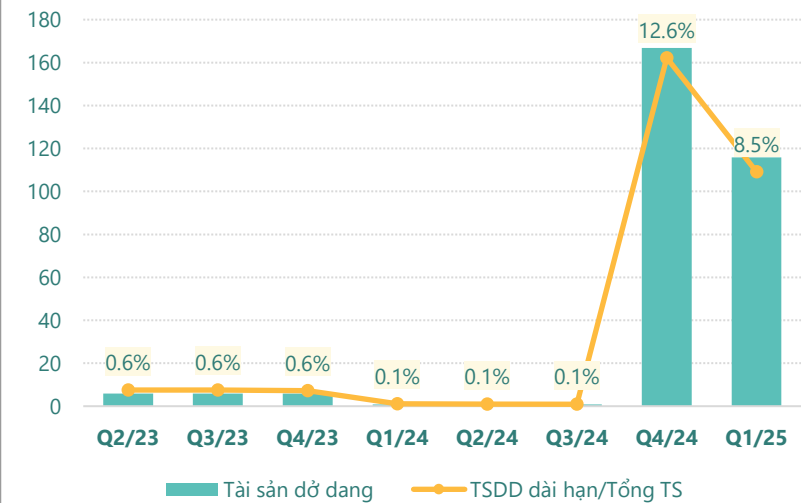
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

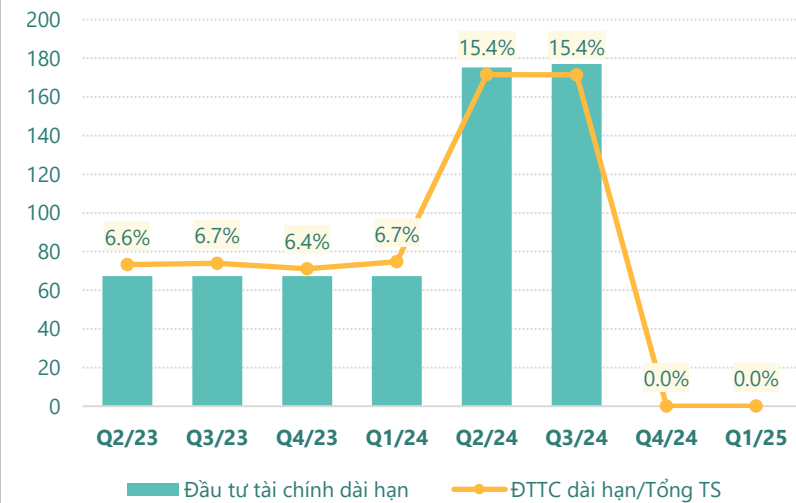
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

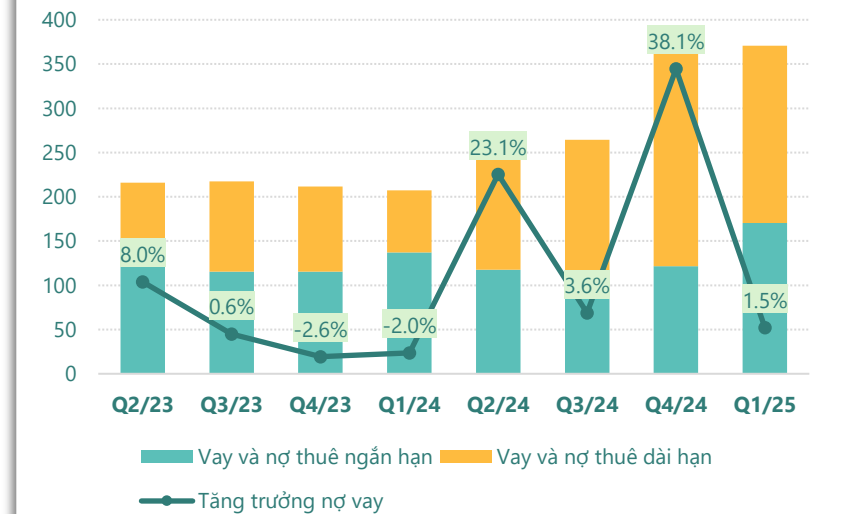
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

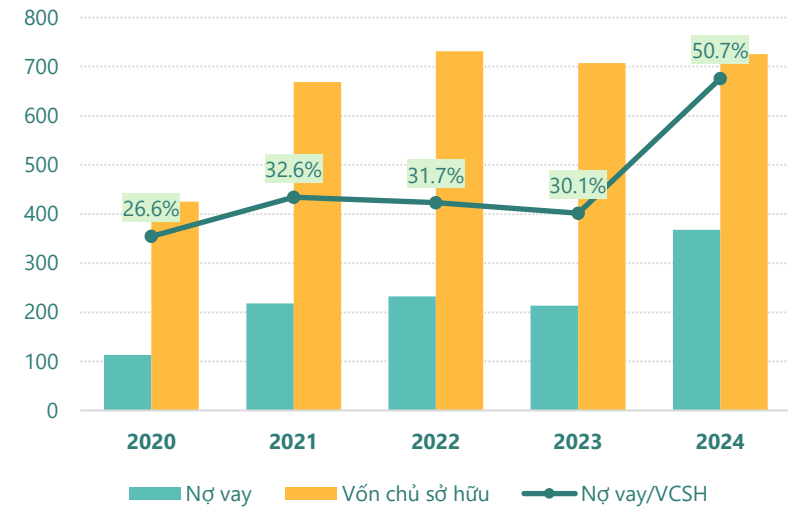


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

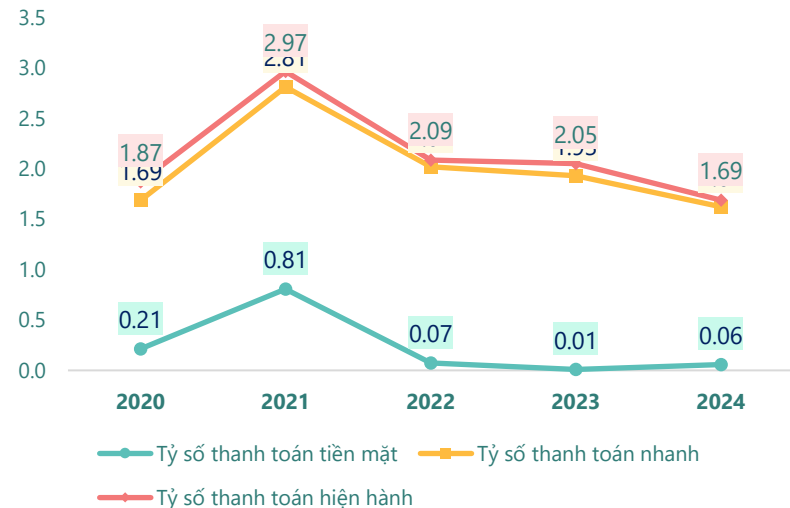
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



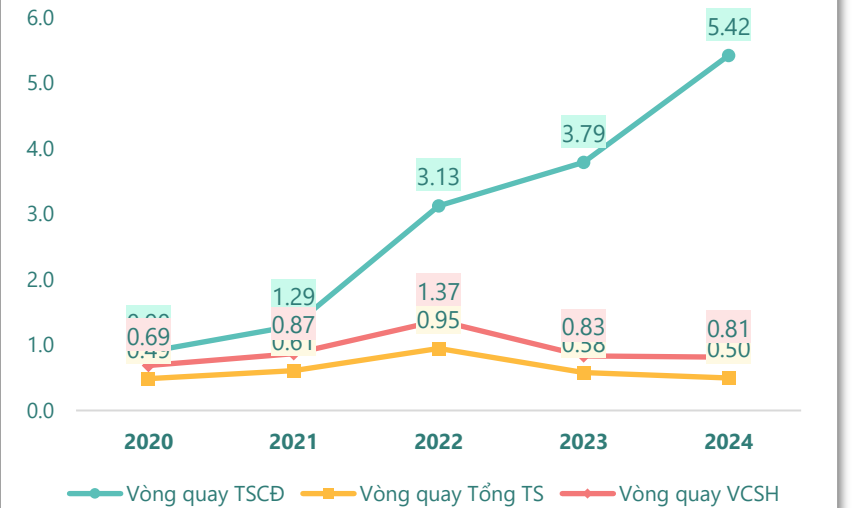
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



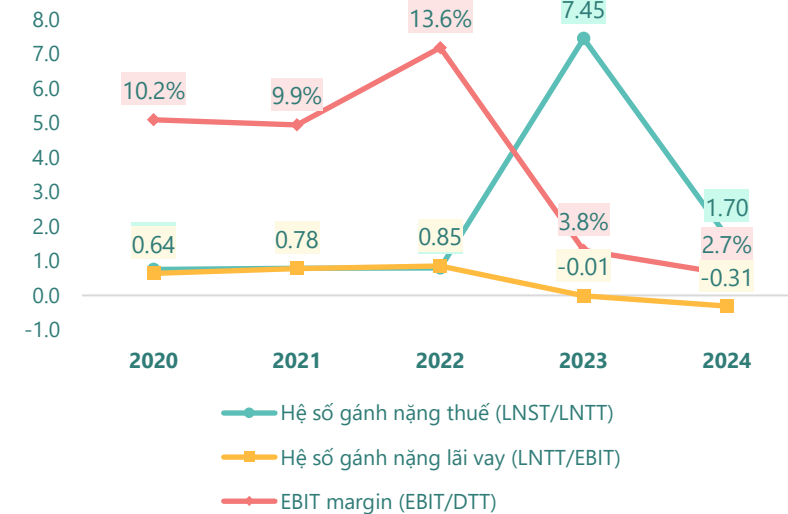
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



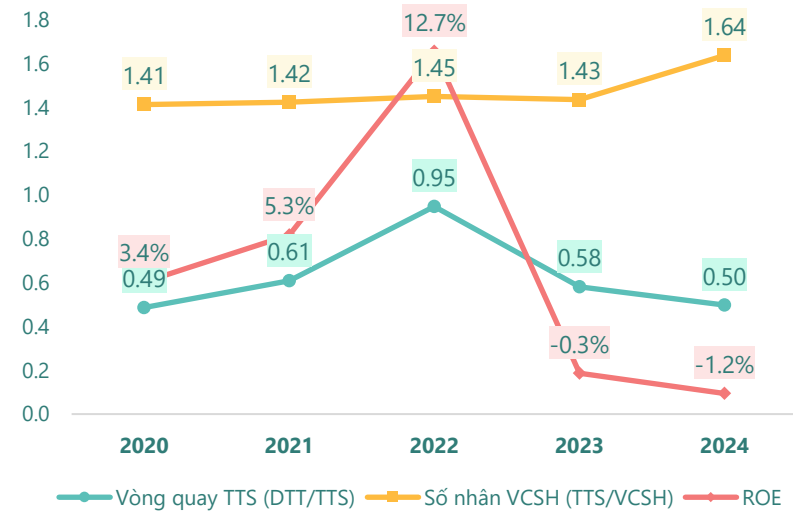
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



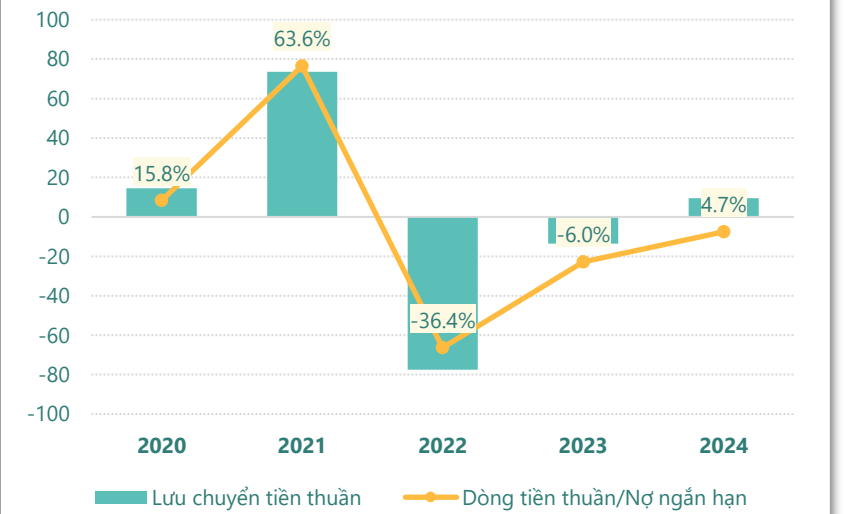
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	207	205	1.1%	583	599	-2.7%
Giá vốn hàng bán	176	192	-8.2%	530	552	-4.0%
Lợi nhuận gộp	30.9	12.8	142%	52.8	47.1	12.0%
Doanh thu HĐTC	1.00	0.09	1015%	6.69	2.50	168%
Chi phí TC	8.03	5.23	53.6%	24.5	25.6	-4.1%
Chi phí lãi vay	4.76	5.05	-5.7%	20.7	23.3	-11.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.61	1.54	199%	11.3	5.84	93.4%
Chi phí QLDN	6.16	2.69	129%	34.4	11.7	194%
LN thuần từ HĐKD	13.1	3.42	284%	-10.8	6.51	-265%
Lợi nhuận khác	-0.41	-0.61	33.2%	5.88	-6.84	186%
LN trước thuế	12.7	2.81	353%	-4.88	-0.33	-1374%
Lợi nhuận sau thuế	9.48	2.12	347%	-8.31	-2.47	-237%
LNST của CĐ cty mẹ	9.55	2.12	351%	-8.35	-2.47	-238%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.4	94.4	26.1	68.1	0	-1.38
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.0	-64.9	-73.0	35.1	0	5.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.5	-15.5	57.3	-90.7	0	1.71
Tiền đầu kỳ	4.33	2.08	16.0	26.5	0	11.5
Lưu chuyển tiền thuần	16.9	14.0	10.5	12.5	0	5.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.3	16.0	26.5	39.0	0	16.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,365	1,334	2.3%
Tài sản ngắn hạn	355	338	5.1%
Tiền và tương đương tiền	16.9	11.5	46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.7	26.6	-3.4%
Phải thu ngắn hạn	299	279	7.4%
Hàng tồn kho	6.09	13.3	-54.1%
Tài sản ngắn hạn khác	7.57	8.26	-8.4%
Tài sản dài hạn	1,010	996	1.4%
Phải thu dài hạn	90.9	97.2	-6.4%
Tài sản cố định	75.8	78.8	-3.8%
Bất động sản đầu tư	589	511	15.2%
Tài sản dở dang	116	167	-30.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	66.1	66.8	-1.1%
Lợi thế thương mại	72.7	75.7	-4.0%
Nợ phải trả	631	609	3.6%
Nợ ngắn hạn	260	200	29.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	135	26.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	21.4	-28.2%
Nợ dài hạn	371	409	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	200	233	-14.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	734	725	1.2%
Vốn chủ sở hữu	734	725	1.2%
Vốn điều lệ	708	708	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

